TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THUỶ** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-ST
Ngày: 05/02/2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tính; Ông Dương Đình Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chữ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai tại phiên tòa anh Nguyễn Đức D trình bày: Năm 2020, anh là tổ trưởng tổ vay vốn ngân hàng của thôn T, xã C, anh Bùi Văn B (chồng chị H) có nhờ anh vay hộ số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng, anh nhất trí và đi vay hộ cho anh B để đáo nợ ngân hàng, tuy nhiên sau khi anh B vay được tiền ngân hàng chỉ trả cho anh được số tiền 30.000.000đ, còn nợ lại 120.000.000đ, anh B khất nợ nhiều

lần không trả, nên anh đến nhà anh B và chị H đòi nợ. Lúc này anh B đang đi học tiếng để đi xuất khẩu lao động, chị H có nhờ anh vay số tiền 120.000.000đ với bà Nguyễn Thị V (chị V là chị họ của anh), ngày 17/9/2020 anh và chị H đến nhà chị V vay tiền, chị V nhất trí cho anh vay tiền và yêu cầu anh viết giấy vay nợ, nên anh đã viết giấy vay nợ với chị V để lấy tiền giao cho chị H và chị H viết giấy thỏa thuận vay nợ với anh nội dung: *" Người vay tiền Hà Thị H vay của anh Nguyễn Đức Duyên s tiền 120.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 2%/ 01 tháng, 02 tháng trả lãi một lần, 06 tháng trả ½ tiền gốc, tài sản thế chấp là quyển sổ đỏ mang tên Bùi Văn B thôn Vân N"*. Quá trình vay nợ chị H, anh B chỉ mới trả cho anh được 5.000.000 đồng trừ vào tiền vay gốc, còn tiền lãi vì không ghi sổ theo dõi nên anh cũng không nhớ chính xác đã trả được bao nhiêu mà chỉ nhớ lần cuối cùng chị H trả cho anh là vào khoảng tháng 1/2022. Từ đó đến nay chị H, anh B không trả. Nay anh yêu cầu chị Hà Thị H và anh Bùi Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Duyên số tiền nợ gốc là 115.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 01/02/2024 theo lãi xuất 1,66%. Tổng số tiền lãi là 45.816.000 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi là 160.816.000đ (Một trăm sáu mươi triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng).

- *Bị đơn chị Hà Thị H trình bày:* Vào khoảng tháng 05 năm 2020, anh Bùi Văn B có nhờ anh Nguyễn Đức D vay hộ số tiền 150.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, do trước đây chị và anh B vay để làm nhà. Tuy nhiên, thời điểm đó chị đi làm ăn xa nên không biết cụ thể mà chỉ nghe anh B nói lại là nhờ anh D vay hộ tiền. Đến tháng 9 năm 2020, chị về nhà chăm con còn anh B đi học tiếng để đi xuất khẩu lao động, anh D đến nhà yêu cầu chị trả nợ số tiền anh B còn nợ lại là 120.000.000đ, do không có tiền trả nên chị nhờ anh D vay hộ 120.000.000đ để trả nợ và ngày 17/9/2020 chị được ký vào giấy thỏa thuận vay tiền với anh D thể hiện vay anh Duyên số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 2%/ 01tháng và có thế chấp cho anh D 01 Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên anh Bùi Văn B. Anh B đi xuất khẩu lao động có gửi tiền về cho chị trả nợ gốc và tiền lãi, chị mới trả được 5.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi chị không nhớ cụ thể đã trả được bao nhiêu, nay chị cũng nhất trí tiền lãi tính từ tháng 2/2022 đến nay chưa trả. Đến tháng 06/2023 anh B làm đơn xin ly hôn với chị, ngày 29/06/2023 Toà án nhân dân dân huyện Cẩm Thuỷ ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 67/2023/QĐST-HNGĐ. Về tài sản chung, ngày 21/6/2023 chị và anh B có làm biên bản thoả thuận tài sản chung của vợ chồng như sau:

"1. Nợ Ngân hàng nông nghiệp và Ngân hàng C tổng là 210 triệu đứng tên vay của cả 02 vợ chồng nay chồng là Bùi Văn B nhận nợ trên và có trách nhiệm trả.

2. Khoản nợ 120 triệu của bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Đức D thôn T - C, người đứng tên nhận vay Hà Thị H và thế chấp sổ đỏ tên Bùi Văn B, về khoản vay này tôi và chị H thống nhất tự phân chia cô H sẽ chịu trách nhiệm trả 30 triệu, Bùi Văn B nhận trả cho bà V, ông Duyên số tiền 90 triệu, ngoài ra không còn khoản nợ chung nào của ai nữa".

Nay chị H đề nghị xem xét biên bản thoả thuận về nợ chung của vợ chồng để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho chị.

Bà Nguyễn Thị V trình bày: Năm 2020, bà có cho anh D vay số tiền 120.000.000đ, anh D viết giấy và nhận trả cho bà, còn anh D sử dụng vào mục đích gì bà không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn B trong quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Giấy triệu tập giải quyết nhưng anh B vắng mặt không có lý do chính đáng. Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Hà Thị T là mẹ đẻ của anh B, bà T đã cam kết thông tin lại văn bản tố tụng của Toà án cho anh B.

Theo biên bản xác minh ngày 11/12/2023 đối với bà Hà Thị T. Bà T cung cấp thông tin: Sau khi nhận được giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tài liệu chứng cứ, bà đã thông tin cho anh B biết. Đến ngày 02/12/2023 anh B về nhà bà có trao đổi về việc anh Nguyễn Đức D yêu cầu anh và chị H trả nợ, anh B nói nhất trí trả nợ nhưng anh D phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh B. Nay anh B bận không thể đến Toà để giải quyết được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân – Gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức D. Buộc chị Hà Thị H và anh Bùi Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Đức D tiền vay gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Buộc anh Nguyễn Đức D trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 337m^2, thửa đất số 349, tờ bản đồ số 24 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02049 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/7/2019 cho anh Bùi Văn B. Về án phí: Chị H và anh B phải liên đới chịu án phí DSST, trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Nguyễn Đức D khởi kiện yêu cầu bị đơn chị Hà Thị H, anh Bùi Văn B trả nợ tiền vay. Chị H, anh B đang cư trú tại Thôn V, xã C. Do đó, yêu cầu kiện của anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Người có quyền nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu

tập cho anh B, nhưng anh B vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi phiên tòa được mở, anh Bùi Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức D yêu cầu chị Hà Thị H và anh Bùi Văn B có trách nhiệm trả số tiền vay 115.000.000 đ theo Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/9/2020 có chữ ký của chị Hà Thị H.Do chị H, anh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của anh D là có căn cứ chấp nhận.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/9/2020, chỉ thể hiện là chị Hà Thị H vay tiền với anh Nguyễn Đức D, số tiền vay là 120.000.000đ, không có chữ ký của anh Bùi Văn B, nhưng trước đó anh B có vay tiền của anh D để đáo hạn ngân hàng, sau khi đáo hạn ngân hàng, anh B không trả nợ cho anh D mà đi học tiếng để đi xuất khẩu lao động. Chị H tại thời điểm đó đang là vợ hợp pháp của anh B đã vay tiền với anh D để trả nợ số tiền anh B vay trước đó và viết giấy vay nợ với anh D. Đồng thời theo biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 24/5/2023, biên bản thoả thuận về nợ chung vợ chồng ngày 21/6/2023 do chị H cung cấp và biên bản xác minh với bà Hà Thị T (mẹ đẻ anh B) đều thể hiện anh B xác nhận có nợ của anh Duyên số tiền 120.000.000đ, nhưng chưa có tiền để trả nên buộc anh B phải liên đới trả nợ cho anh D là phù hợp.

Chị Hà Thị H đề nghị Tòa án giải quyết chia phần trả nợ theo biên bản thỏa thuận về phần tài sản giữa chị và anh B lập ngày 21/6/2023. Cụ thể là chị trả anh D 30.000.000đ, anh B trả 90.000.000đ, nhưng biên bản thỏa thuận không được sự thống nhất của anh D, anh B vắng mặt tại phiên tòa nên không có căn cứ để chia phần theo đề nghị của chị H.

Về lãi suất cho vay giữa các bên thoả thuận 2%/01 tháng là vượt quá theo quy định của pháp luật. Cụ thể tại khoản 1 Điều 468 BLDS quy định: *"...Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi xuất thì lãi xuất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/ năm..."*

Tại phiên tòa chị H không yêu cầu tính lại số tiền đã trả lãi vì chị không nhớ chính xác thời gian trả lãi và số tiền trả vì có tháng trả được, tháng không trả được, anh D và chị H thống nhất thời gian tính tiền lãi chưa trả tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến thời điểm xét xử là 24 tháng (hai bên thống nhất tính tròn tháng) theo lãi xuất 1.66%/ 01 tháng là phù hợp. Lãi suất được tính cụ thể như sau:

Thời gian trả lãi : Ngày 01/02/2022 đến ngày 01/02/2024 là 24 tháng

Tiền lãi: 115.000.000 đ x 1,66%/ tháng x 24 tháng = 45.816.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền chị H, anh B phải trả cho anh D là 160.816.000đ (Một trăm sáu mươi triệu, tám trăm mười sáu nghìn đồng)

[5]. Về việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong Giấy thỏa thuận vay tiền ngày 17/9/2020, chị H có ghi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên Bùi Văn B và giao cho anh D giữ. Tại phiên tòa anh D và chị H đều thống nhất việc giữ Giấy chứng nhận QSD đất chỉ để làm tin, chưa làm thủ tục đăng ký thế chấp, tại phiên tòa anh D nhất trí trả lại Giấy chứng nhận cho chị H và anh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho anh D là 8.040.000 đồng.

Anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 27 Luật Hôn nhân – gia đình. Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức D.

Buộc chị Hà Thị H và anh Bùi Văn B có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Đức Duyên s nợ gốc 115.000.000đ, tiền lãi tính từ tháng 01/02/2022 đến ngày 01/02/2024 là 115.000.000 đ x 1,66%/ tháng x 24 tháng = 45.816.000 đồng.

Tổng số tiền vay gốc và tiền lãi là 160.816.000 (Một trăm sáu mươi triệu, tám trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc anh Nguyễn Đức D phải trả lại cho chị Hà Thị H, anh Bùi Văn Bình bản c Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 337m^2, thửa đất số 349, tờ bản đồ số 24 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02049 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 31/7/2019 mang tên Bùi Văn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hà Thị H, anh Bùi Văn B phải liên đới chịu 8.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Đức D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Nguyễn Đức Duyên s tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.734.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010505 ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thuỷ.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức D, chị Hà Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thuỷ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh